

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-6-2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Khánh Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp XD2, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Mỹ P, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp XD3, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng B trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị Trịnh Mỹ P chung sống với nhau vào tháng 4 năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp

giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống anh và chị Trịnh Mỹ Phương có 02 người con chung tên Nguyễn Phú L, sinh ngày 30/11/2004 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 11/10/2012 hiện nay anh đang nuôi dưỡng Nguyễn Thị Bích N, chị Trịnh Mỹ P đang nuôi dưỡng Nguyễn Phú L. Anh và chị Trịnh Mỹ P không có tài sản chung và không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Anh và chị Trịnh Mỹ P chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau, sống không hạnh phúc do công việc làm ăn trong gia đình không phù hợp, không bàn bạc thông qua với nhau nên anh và chị Trịnh Mỹ P sống ly thân đến nay. Anh thấy, anh và chị Trịnh Mỹ P không còn tình cảm, anh yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P; Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bích N, anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Phú L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ, anh và chị Trịnh Mỹ P không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cam kết, anh và chị Trịnh Mỹ P không có nợ.

** Tại đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử ngày 20/5/2020, bị đơn chị Trịnh Mỹ P trình bày:*

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm, do chị bận công việc nên không tham gia phiên tòa được, chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

** Tại biên bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng ngày 24 tháng 4 năm 2020, Nguyễn Phú L trình bày:*

Cha của Nguyễn Phú L là Nguyễn Hoàng B và mẹ là Trịnh Mỹ P. Khi cha mẹ ly hôn thì Nguyễn Phú L có nguyện vọng chung sống với mẹ là Trịnh Mỹ P.

** Tại biên bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng ngày 24 tháng 4 năm 2020, Nguyễn Thị Bích N trình bày:*

Cha của Nguyễn Thị Bích N là Nguyễn Hoàng B và mẹ là Trịnh Mỹ P. Khi cha mẹ ly hôn thì Nguyễn Thị Bích N có nguyện vọng chung sống với cha là Nguyễn Hoàng B.

** Tại các biên bản xác minh ngày 24 tháng 4 năm 2020, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Nguyễn Hoàng B và chị Trịnh Mỹ P chung sống với nhau mâu thuẫn công việc làm ăn trong gia đình nên anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2016 đến

nay, từ khi anh chị ly thân đến nay chị Trịnh Mỹ P nuôi con chung tên Nguyễn Phú L, anh Nguyễn Hoàng B nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bích N, về nợ ở địa phương không nghe ai nói anh Nguyễn Hoàng B và chị Trịnh Mỹ P có nợ người khác nên không nắm được.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu Nguyễn Hoàng B, Trích lục kết hôn Trịnh Mỹ P và Nguyễn Hoàng B, Trích lục khai sinh Nguyễn Phú L, Giấy khai sinh Nguyễn Thị Ngọc B, Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú ngày 03/9/2019, 02 Biên bản xác minh ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, các biên bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng Nguyễn Thị Ngọc B và Nguyễn Phú L ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng B yêu cầu được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bích N, anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Phú L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, anh không yêu cầu cấp dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Trịnh Mỹ P không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trịnh Mỹ P có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng B yêu cầu được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bích N, anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Phú L cho

chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không có ý kiến yêu cầu gì là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Hoàng B được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P và giao con chung của anh chị tên Nguyễn Thị Bích N cho anh Nguyễn Hoàng B tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung của anh chị tên Nguyễn Phú L cho chị Trịnh Mỹ P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Hoàng B và chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ anh Hoàng B xác định, anh và chị P không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hoàng B yêu cầu được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị P nhưng chị P không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị P có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử. Đồng thời, tại phiên tòa anh Nguyễn Hoàng B không yêu cầu hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Hoàng B và chị Trịnh Mỹ P chung sống với nhau vào năm 2002, đến năm 2005 đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 30 ngày 04 tháng 4 năm 2005, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng B yêu cầu được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau, sống không hạnh phúc do công việc làm ăn trong gia đình không phù hợp, không bàn bạc thông qua với nhau nên anh và chị Trịnh Mỹ P sống ly thân đến nay; chị P cũng không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt chị. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng B, cho anh Nguyễn Hoàng B được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Nguyễn Hoàng B và chị Trịnh Mỹ P có 02 người con chung tên Nguyễn Phú L, sinh ngày 30/11/2004 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 11/10/2012 hiện nay anh Hoàng B đang nuôi dưỡng Nguyễn Thị Bích N, chị P đang nuôi dưỡng Nguyễn Phú L. Khi ly hôn anh Nguyễn Hoàng B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bích N, anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Phú L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng; chị P không ý kiến yêu cầu gì khác. Đồng thời, con chung của anh chị tên Nguyễn Thị Bích N có nguyện vọng được chung sống với cha là anh Nguyễn Hoàng B và Nguyễn Phú L có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị Trịnh Mỹ P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng B, ý kiến nguyện vọng của các con anh chị, giao con chung của anh chị tên Nguyễn Thị Bích N cho anh Nguyễn Hoàng B tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung của anh chị tên Nguyễn Phú L cho chị Trịnh Mỹ P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Hoàng B và chị Trịnh Mỹ P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Nguyễn Hoàng B xác định, anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh Nguyễn Hoàng B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hoàng B được ly hôn với chị Trịnh Mỹ P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 11/10/2012 cho anh Nguyễn Hoàng B tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung của anh chị tên Nguyễn Phú L, sinh ngày 30/11/2004 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của các con anh chị, hiện nay Nguyễn Thị Bích N đang chung sống với anh Nguyễn Hoàng B và Nguyễn Phú L đang chung sống với chị Trịnh Mỹ P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hoàng B và chị Trịnh Mỹ P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Nguyễn Hoàng B xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và

anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này anh chị có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hoàng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008415 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Hoàng B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bảo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 26/6/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đ1;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo